

**Phụ lục XI**  
**PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẤP NƯỚC**  
**TỈNH ĐẮK LẮK THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1589 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)*

| STT      | Tên công trình                                                      | Địa điểm xây dựng dự kiến       | Công suất dự kiến đến 2030 (m <sup>3</sup> /ngđ) |
|----------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Các công trình cấp nước liên vùng – Khu vực phía Tây Đắk Lắk</b> |                                 |                                                  |
| 1        | Nhà máy cấp nước Krông Ana                                          | Xã Krông Ana                    | 35.000                                           |
| 2        | Trạm xử lý nước ngầm 1                                              | Phường Buôn Hồ                  | 5.000                                            |
| 3        | Trạm xử lý nước mặt lọc nhanh hồ Giao Thủy                          | Phường Buôn Hồ                  | 4.000                                            |
| 4        | Trạm xử lý nước ngầm 2                                              | Phường Cư Bao                   | 4.000                                            |
| 5        | Trạm xử lý nước mặt                                                 | Phường Cư Bao                   | 10.000                                           |
| 6        | Trạm cấp nước Ea Kar                                                | Xã Ea Kar                       | 29.500                                           |
| 7        | Nhà máy nước Ea Súp                                                 | Xã Ea Súp                       | 13.500                                           |
| 8        | Nhà máy nước xã Ea Wer                                              | Xã Ea Wer                       | 12.500                                           |
| 9        | Nhà máy nước xã Quảng Phú                                           | Xã Quảng Phú                    | 32.000                                           |
| 10       | Trạm cấp nước Buôn Trấp                                             | Xã Krông Ana                    | 14.500                                           |
| 11       | Trạm cấp nước Bình Hòa                                              | Thôn Sơn Trà, xã Krông Ana      | 9.000                                            |
| 12       | Trạm cấp nước Quảng Điền                                            | Thôn 2 Quảng Điền, xã Krông Ana | 7.500                                            |
| 13       | Trạm cấp nước Buôn Trấp 2                                           | Buôn Trấp, xã Krông Ana         | 22.300                                           |
| 14       | Trạm cấp nước xã Ea Drăng                                           | Xã Ea Drăng                     | 26.000                                           |

*Thư me*  
*2026*

| STT       | Tên công trình                                                       | Địa điểm xây dựng dự kiến | Công suất dự kiến đến 2030 (m <sup>3</sup> /ngđ) |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|
| 15        | Trạm cấp nước xã Krông Năng                                          | Xã Krông Năng             | 23.500                                           |
| 16        | Trạm cấp nước đô thị Pong Drang                                      | Xã Ea Kly                 | 14.500                                           |
| 17        | Trạm cấp nước Cư M'ta                                                | Xã Cư M'ta                | 15.500                                           |
| 18        | Trạm cấp nước Phước An                                               | Xã Krông Pắc              | 35.000                                           |
| 19        | Nhà máy nước xã Liên Sơn Lắc                                         | Xã Liên Sơn Lắc           | 4.000                                            |
| 20        | Công trình cấp nước xã Krông Bông                                    | Xã Krông Bông             | 18.000                                           |
| 21        | Nhà máy nước Ea Bhook                                                | Xã Dray Bhang             | 20.000                                           |
| 22        | Trạm cấp nước Ia Lốp                                                 | Xã Ia Lốp                 |                                                  |
| 23        | Trạm cấp nước Ia Rvê                                                 | Xã Ia Rvê                 |                                                  |
| 24        | Trạm cấp nước Ea Nuôi                                                | Xã Ea Nuôi                |                                                  |
| <b>II</b> | <b>Các công trình cấp nước liên vùng – Khu vực phía Đông Đắk Lắk</b> |                           |                                                  |
| 1         | Nhà máy nước KKT Nam Phú Yên                                         | Xã Sơn Thành              | 100.000                                          |
| 2         | Nhà máy nước Tuy Hòa                                                 | Phường Tuy Hòa            | 5.000                                            |
| 3         | Nhà máy nước Chí Thạnh                                               | Xã Tuy An Bắc             | 15.000                                           |
| 4         | Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu                                       | Xã Xuân Cảnh              | 10.000                                           |
| 5         | Nhà máy nước Sông Cầu                                                | Phường Sông Cầu           | 8.000                                            |
| 6         | Nhà máy nước Phú Hòa                                                 | Xã Phú Hòa 1              | 8.000                                            |
| 7         | Nhà máy nước Hai Riêng                                               | Xã Sông Hình              | 4.000                                            |






| STT | Tên công trình             | Địa điểm xây dựng dự kiến           | Công suất dự kiến đến 2030 (m <sup>3</sup> /ngđ) |
|-----|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 8   | Nhà máy nước La Hai        | Xã Đồng Xuân                        | 3.000                                            |
| 9   | Nhà máy nước Củng Sơn      | Xã Sơn Hòa                          | 3.000                                            |
| 10  | Nhà máy nước Đông Hòa      | Khu phố Đồng Thạnh, Phường Đông Hòa | 9.000                                            |
| 11  | Nhà máy nước sạch Hòa Xuân | Thôn Hảo Xuân, xã Hòa Xuân          |                                                  |

**Ghi chú:**

- Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện của địa phương có thể đề xuất nâng cấp công suất các nhà máy cấp nước hiện trạng, xây dựng các nhà máy cấp nước mới nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch thiết yếu của người dân và hoạt động sản xuất, công nghiệp, thương mại - dịch vụ và đảm bảo phù hợp với quy hoạch vùng cấp nước và các quy định của pháp luật về cấp nước sạch.

- Tiến độ thực hiện, quy mô công suất và vị trí các công trình cấp nước được xác định, cụ thể trong quá trình lập, thẩm định và quyết định đầu tư dự án theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhu cầu sử dụng nước, khả năng khai thác nguồn nước, điều kiện kỹ thuật, nguồn lực đầu tư và tình hình thực tế; không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

- Đối với các dự án không thuộc danh mục kèm theo Phụ lục này hoặc các công trình cấp nước đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai đầu tư hoặc đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư nhưng chưa được cập nhật trong danh mục, việc xem xét, chấp thuận, phê duyệt và triển khai thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với các quy hoạch khác có liên quan và khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn.

*(Chữ ký và dấu)*